

Số: 354/2019/QĐST-HNGĐ

Long Biên, ngày 10 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số **367/2019/TLST-HNGĐ** ngày 05/6/2019 về việc: ***Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*** giữa:

**Người yêu cầu:** Anh Nguyễn Anh V - sinh năm 1977

Trú tại: Tổ dân phố CT, thị trấn TQ, huyện GL, thành phố Hà Nội .

Chị **Dương Thị Th** - sinh năm 1979

HKTT: Tổ dân phố CT, thị trấn TQ, huyện GL, thành phố Hà Nội .

Tạm trú: Số 35 ngõ 117 phố NS, phường GT, quận Long Biên, thành phố Hà Nội .

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, anh Nguyễn Anh V và chị Dương Thị Th đã thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh V và chị Dương Thị Th cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh V và chị Th có 02 con chung là: **Nguyễn Bá Mạnh D** – sinh ngày 09/02/2006 (Nam) và **Nguyễn Bá Quang V** – sinh ngày 04/9/2014 (Nam). Sau khi ly hôn, Anh V được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Bá Mạnh D** – sinh ngày 09/02/2006 (Nam). Chị Th được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Bá Quang V** – sinh ngày 04/9/2014 (Nam). Anh V có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th số tiền là: 5.000.000đ (*Năm triệu đồng chẵn*)/ tháng cho đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Các đương sự mỗi người tự chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Anh V và chị Dương Thị Th.

2. Về con chung: Xác nhận Anh V và chị Th có 02 con chung là: **Nguyễn Bá Mạnh D** – sinh ngày 09/02/2006 (Nam) và **Nguyễn Bá Quang V** – sinh ngày 04/9/2014 (Nam). Sau khi ly hôn, Anh V được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Bá Mạnh D** – sinh ngày 09/02/2006 (Nam). Chị Th được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Bá Quang V** – sinh ngày 04/9/2014 (Nam). Anh V có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Th số tiền là: 5.000.000đ (*Năm triệu đồng chẵn*)/ tháng cho đến khi cháu **Nguyễn Bá Quang V** – sinh ngày 04/9/2014 (Nam) thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về lệ phí: Anh V và chị Th mỗi người phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình. Anh V và chị Th mỗi người đã nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) tiền tạm ứng lệ phí theo các Biên lai số **0001736** và **0001737** ngày 03/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Nay chuyển thành lệ phí.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

### **THẨM PHÁN**

#### **Nơi nhậm:**

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- UBND thị trấn TQ, huyện GL,  
TP Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số 31,  
quyển số 01 ngày 16/3/2005);
- Các đương sự;
- Lưu HS, HC-TP.

**Trần Xuân Hương**

